TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Dũng Phương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà X, ấp AN, xã MAHA, huyện LV, tỉnh ĐT.
- Bị đơn: Chị Vũ Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số nhà X, Tổ 2, ấp ĐT, xã TS, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn sống chung với nhau được khoảng 01 năm và sau đó, tự nguyên kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhiều nơi. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 3/2013, bị đơn và con đã chuyển về xã TS, huyện TP sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Về con chung chưa thành niên của các đương sự: Vợ chồng có 02 (hai) con: Trần Thái P, sinh ngày D và Trần Thị NY, sinh ngày K. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, bị đơn trực tiếp nuôi các con.

Tình cảm vợ chồng không còn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Ly hôn, đồng ý để bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng các con và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đến ngày con đủ 18 tuổi.

Vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp

nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 05/7/2018 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn trình bày:

- Lời trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng là đúng sự thật: Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm việc ở nhiều nơi. Đến năm 2013, vợ chồng không còn sống chung nhưng nguyên đơn vẫn thăm hỏi và gửi tiền cho bị đơn để nuôi con. Từ năm 2015, vợ chồng không còn trách nhiệm với nhau, nguyên đơn không có trách nhiệm với con, tình cảm vợ chồng không còn nhưng do bị đơn theo đạo Thiên chúa giáo thì không được phép ly hôn nên bị đơn không đồng ý ly hôn.

- Trường hợp Tòa án giải quyết vụ án cho các đương sự ly hôn thì bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nêu trên và yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Căn cứ Điều 51, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Kim H;

Về con chung: Giao 02 cháu: Trần Thái P, sinh ngày D và Trần Thị NY, sinh ngày K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng; về quan hệ tài sản, trách nhiệm thanh toán nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, để bị đơn nuôi dưỡng các con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nơi cư trú của bị đơn tại: Tổ 2, ấp ĐT, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa các đương sự được xây dựng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân của các đương sự là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương, cho thấy: Sau khi kết hôn, các đương sự sống chung tại nhiều nơi. Thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn thừa nhận không còn tình cảm với nguyên đơn nhưng không ly hôn.

Xét, nguyên đơn và bị đơn không sống chung từ năm 2013, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các đương sự tự nguyện thỏa thuận: Bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 9/2018.

Sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp và đương sự trong vụ án không khởi kiện vấn đề này nên Tòa án không thụ lý giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và nguyên đơn là người cấp dưỡng nuôi con trước khi xét xử vụ án nên nguyên đơn chịu án phí là 150.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Kim H.

1.2. Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bị đơn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con: Trần Thái P, sinh ngày D và Trần Thị NY, sinh ngày K.

Nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018 đến ngày các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;

Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của mình theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, Tòa án không thụ lý giải quyết.

2. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền 300.000 đồng nguyên đơn đã n ộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 009037 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Nguyên đơn còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời h ạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện TP;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 37/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính